

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI THIẾT CHẾ CHỦ TỊCH NƯỚC Ở VIỆT NAM

*Bùi Ngọc Sơn**

1. Về thiết chế Nguyên thủ quốc gia

Nguyên thủ quốc gia là một chế định ra đời cùng với nhà nước tư sản. Nhiệm vụ của cách mạng tư sản là lật đổ nền cai trị phong kiến, thiết lập nền chuyên chính tư sản. Tuy nhiên, giai cấp tư sản khi tiến hành cách mạng dù mạnh nhưng chưa thể đè bẹp hoàn toàn thế lực phong kiến tuy đã lỗi thời nhưng vẫn còn mạnh. Hơn nữa, sự thống trị của ngai vàng phong kiến trong suốt đêm trường trung cổ đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân loại. Những nhà tư tưởng của cách mạng tư sản khi đưa ra lý thuyết phân quyền không phải muốn lật đổ hoàn toàn sự cai trị của nhà vua mà hạn chế quyền lực nhà vua. Cho nên, khi cách mạng tư sản thành công, chế độ đại nghị đã được xác lập, thì về nguyên tắc, nghị viện đứng đầu Nhà nước, nhưng giai cấp tư sản đã bảo lưu thiết chế nhà vua hoặc lập ra những thiết chế tương tự để thực hiện mục đích chính trị của mình. Điều đó dẫn đến việc hình thành chế định nguyên thủ quốc gia trong hiến pháp tư sản. Nguyên thủ quốc gia ở các nước tư bản biểu hiện về mặt hình thức rất đa dạng: vua, hoàng đế, nữ hoàng... trong chính thể quân chủ; Tổng thống trong chính thể cộng hoà dân chủ. Nhìn chung, dù tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, Nguyên thủ quốc gia ở các nước tư bản đều được hiến pháp quy định là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước về mặt đối nội và đối ngoại, đại diện, tượng trưng cho sự vững bền, thống nhất của Nhà nước. Sự hiện diện của nguyên thủ quốc gia trong Nhà nước tư sản là biểu hiện tàn dư của chế độ phong kiến

kết hợp với nhu cầu về những lợi ích chính trị của giai cấp tư sản trong xã hội hiện đại. Dù nguyên thủ quốc gia có tồn tại dưới hình thức nào trong các nhà nước tư sản thì cũng là một sự phản chiếu di ảnh của ông vua phong kiến.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiết chế Chủ tịch nước

Sau khi Nhà nước cách mạng Việt Nam được thành lập, một định chế mới đại diện cho Nhà nước ra đời, không còn là một ông vua với ngai vàng lộng lẫy, mà là một thiết chế dân chủ - Chủ tịch nước. Thể chế Chủ tịch nước theo chính thể cộng hoà dân chủ nhân dân là sản phẩm của sự phát triển của cách mạng Việt Nam, gắn liền với vai trò của Hồ Chí Minh, người sáng lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là Nguyên thủ quốc gia đầu tiên của Nhà nước cách mạng Việt Nam.

Cách thức thành lập:

Chủ tịch nước trong chính thể cộng hoà dân chủ nhân dân theo Hồ Chí Minh, không thể được thiết lập bằng con đường truyền ngôi, thế tập, hay sự suy tôn mặc nhiên, mà phải do nhân dân lựa chọn thông qua Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở nước ta, tại Hà Nội, 118 vị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tất cả các giới đại biểu làng xã công bố một bản kiến nghị: "*Yêu cầu cụ Hồ Chí Minh được miễn phải ứng cử trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới vì cụ đã được toàn dân suy tôn làm Chủ tịch vĩnh viễn của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà*"¹. Đáp lại

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Văn phòng Quốc hội, Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960), NXB Chính trị quốc gia, H, 1994, tr41.

nguyện vọng trên, Hồ Chí Minh đã gửi thư trả lời đồng bào ngoại thành Hà Nội như sau: *"Tôi rất cảm động thấy toàn thể đồng bào ngoại thành Hà Nội đã có lòng quá yêu tôi mà quyết nghị tôi không phải ứng cử trong kì tổng tuyển cử sắp tới. Nhưng tôi đã là một công dân nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, nên không thể vượt qua thể lệ tổng tuyển cử đã định. Tôi đã ứng cử ở thành phố Hà Nội, nên không thể ra ứng cử ở nơi nào khác nữa"*². Nguyên thủ quốc gia do truyền ngôi, thế tập, suy tôn dễ có xu hướng lạm dụng quyền lực. Trên lập trường tư tưởng về một nền dân chủ vô sản, Hồ Chí Minh không chấp nhận điều đó. Ngày 26.12.1945, trả lời phỏng vấn của phóng viên các báo, Hồ Chí Minh đã giải thích rõ hơn lý do vì sao người không thể không qua bầu cử mà trở thành Chủ tịch nước: Có nhà báo hỏi: *"Thế sao cụ không ra làm Chủ tịch Việt Nam, cụ còn phải ra ứng cử lời thôi"*. Hồ Chí Minh trả lời: *"Vi tôi không muốn làm vua Lu - y thập tự"*³.

Cho nên, mặc dù được toàn dân suy tôn, Hồ Chí Minh không coi đó là một cơ sở để đảm nhận chức vụ Chủ tịch nước. Người đã ứng cử vào Quốc hội, để Quốc hội sẽ thay mặt nhân dân lựa chọn Chủ tịch nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo việc soạn thảo bản Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của dân tộc ta, chứa đựng những tư tưởng lập hiến quý giá của Người. Thể chế hoá quan điểm Hồ Chí Minh, Hiến pháp 1946 quy định: "Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà chọn trong Nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba tổng số nghị viện bỏ phiếu thuận" (Điều thứ 45). Hiến pháp 1959 cũng ghi nhận: "Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà do Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà bầu ra" (Điều 62).

Vị trí pháp lý và thẩm quyền:

Hiến pháp 1946 chưa đưa ra một định nghĩa về Chủ tịch nước như các hiến pháp sau này. Tuy nhiên, thông qua các quy định về cách thức thành lập, thẩm quyền của Chủ tịch nước, có thể xác định bản chất của Chủ tịch nước vừa là nguyên thủ quốc gia, đại diện cho Nhà nước, vừa là người đứng đầu Chính phủ. Với tư cách nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch nước có quyền thay mặt cho Nhà nước, giữ quyền tổng chỉ huy quân đội toàn quốc, chỉ định hoặc cách chức các tướng soái trong lục quân, hải quân, không quân, kí sắc lệnh bổ nhiệm thủ tướng, nhân viên nội các và nhân viên cao cấp thuộc các cơ quan Chính phủ, ban bố các đạo luật đã được Nghị viện quyết nghị, thưởng huy chương và bằng cấp danh dự, đặc xá, kí hiệp ước với các nước, tuyên chiến hay đình chiến. Với tư cách người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch nước có quyền chủ tọa hội đồng Chính phủ, cùng với Chính phủ ban hành các sắc lệnh quy định các chính sách thi hành các đạo luật và quyết nghị của nghị Viện nhân dân. Hiến pháp 1946 không dành một chương riêng quy định về Chủ tịch nước mà quy định về Chủ tịch nước trong chương IV về Chính phủ. Hiến pháp xác định Chủ tịch nước là thành viên của Chính phủ: "Chính phủ gồm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, Phó Chủ tịch và nội các" (Điều thứ 43). Về thực chất, Hiến pháp chưa phân biệt dưới chức năng người đứng đầu Nhà nước (Nguyên thủ quốc gia) và người đứng đầu Chính phủ (thủ tướng Chính phủ).

Chủ tịch nước vừa là người đứng đầu Nhà nước vừa là người đứng đầu Chính phủ (bao gồm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thứ trưởng) là một nét đặc thù của chính thể cộng hoà dân chủ nhân dân theo Hiến pháp 1946, trước đó chưa có một chính thể nào có quy định này. Trong chính thể cộng hoà tổng

² Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia, H, 2000, tr116.

³ Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia, H, 2000, tr125.

thống của Mỹ, Tổng thống vừa đứng đầu nhà nước lại vừa đứng đầu hành pháp nhưng điều này không giống thiết chế Chủ tịch nước ở Việt Nam theo Hiến pháp 1946. Quyền hành pháp ở Mỹ được thực hiện bởi Tổng thống và những Bộ trưởng do Tổng thống đề cử lên Nghị viện phê chuẩn, và các Bộ trưởng này không hợp thành một tổ chức, không có Thủ tướng đứng đầu, mà chỉ là những người giúp việc cho Tổng thống. Khi tổng thống muốn tham khảo ý kiến của các Bộ trưởng thì thường tập họp họ trong một buổi tiệc, chứ không phải dưới hình thức như một cuộc họp của Chính phủ. Người ta gọi đó là "nội các bếp ăn".

Trong khi đó, ở Việt Nam theo Hiến pháp 1946, Chủ tịch nước là người đứng đầu Chính phủ nhưng vẫn có Thủ tướng. Thủ tướng cùng với các Bộ trưởng, Thứ trưởng hợp thành nội các. Đây là một bộ máy có tính hiến định hẳn hoi, bảo đảm việc thực thi quyền lực hành pháp⁴. Tính đặc thù này của thiết chế Chủ tịch nước xuất phát từ những điều kiện của cách mạng Việt Nam. Với nhiệm vụ của cách mạng kháng chiến, giành độc lập dân tộc, Quốc hội nhận thấy phải "thực hiện chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân" (Lời nói đầu của Hiến pháp 1946). Trong điều kiện chính quyền cách mạng còn non trẻ, lại phải đương đầu với bao khó khăn của nhiệm vụ cách mạng kháng chiến, kiến quốc, nên việc tổ chức quyền lực Nhà nước đã lựa chọn phương án kết hợp chức năng Nguyên thủ quốc gia với chức năng Thủ tướng Chính phủ để tạo ra một thiết chế Chủ tịch nước đặc thù có quyền lực đầy đủ điều hành đất nước trong thời chiến. Đây là một sự sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh xuất phát từ chính thực tiễn hoạt

động cách mạng của Người và nguyện vọng của toàn dân. Hồ Chí Minh là lãnh tụ được toàn dân tin yêu uỷ thác vận mệnh của cả dân tộc. Trong phiên họp thông qua Hiến pháp đầu tiên, Quốc hội Việt Nam trình trọng cảm ơn Chính phủ lâm thời và tuyên bố Chủ tịch Hồ Chí Minh "xứng đáng với tổ quốc"⁵. Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng đứng đầu Nhà nước và đứng đầu Chính phủ để lãnh đạo con thuyền cách mạng dân tộc đi tới thành công.

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh đã hoạt động vừa với tư cách người đứng đầu Nhà nước (Chủ tịch nước) vừa với tư cách người đứng đầu Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ). Trong khoảng thời gian 1919-1952 đã diễn ra và hoàn tất quá trình phân biệt rõ chức trách của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ: Hồ Chí Minh tập trung vào công việc Chủ tịch nước và ban hành các sắc lệnh, còn Phó thủ tướng Chính phủ được chỉ định tập trung vào lãnh đạo công tác của Hội đồng Chính phủ, ban hành nghị định, chỉ thị⁶.

Thực tiễn đó đã được phản ánh trong Hiến pháp 1959: "Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà về mặt đối nội và đối ngoại"(Điều 61). Hiến pháp 1959 là Hiến pháp của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thiết chế Chủ tịch nước được đặt ra theo Hiến pháp 1946 phù hợp với thực tiễn khách quan của tình hình cách mạng, nhưng trong điều kiện mới cần phải điều chỉnh. Hiến pháp 1959 ra đời sửa đổi những vấn đề lớn của chế định Chủ tịch nước. Theo Hiến pháp 1959, Chủ tịch nước chủ yếu thực hiện chức năng Nguyên thủ quốc gia, tách khỏi Chính phủ, được quy định trong một

⁴ PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Chính thể nhà nước trong Hiến pháp 1946 - sự sáng tạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong Hiến pháp năm 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia, H, 1998, tr 168.

⁵ Văn phòng Quốc hội. Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960), NXB Chính trị quốc gia, H, 1994, tr 72.

⁶ Tìm hiểu Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà. NXB Sự thật, H, 1976, tr 249.

chương riêng, nhiều quyền hạn trước đây của Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1946 đã được Hiến pháp 1959 chuyển giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước trở thành một chức danh đại diện Nhà nước.

Sự thiết lập chế độ Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959 gắn liền với tư tưởng Hồ Chí Minh. Hai bản Hiến pháp cách nhau 13 năm, Hồ Chí Minh trên thực tiễn chính trị là Chủ tịch nước - Nguyên thủ quốc gia, đã chỉ đạo việc xây dựng thiết chế Chủ tịch nước với quyền hành rất khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo việc thiết lập định chế Chủ tịch nước không bắt nguồn từ tính chủ quan mà xuất phát từ thực tiễn cách mạng của dân tộc.

Về vấn đề trách nhiệm, chế độ Chủ tịch nước trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng có những sự sáng tạo đặc biệt. Điều thứ 50 Hiến pháp 1946 quy định: "Chủ tịch nước Việt Nam không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc". Quy định này cũng được xây dựng trên cơ sở thực tiễn của cách mạng. Sự điều hành đất nước trong thời chiến ở nước ta phát sinh nhu cầu về một thiết chế Chủ tịch nước có quyền lực, vị thế đặc biệt, không thể bị hạn chế bởi các quy tắc pháp lý thông thường. Các nhà lập hiến đầu tiên trên của Việt Nam khi thông qua Điều 50 Hiến pháp đã có cơ sở để ký thác, gửi gắm niềm tin ở Chủ tịch Hồ Chí Minh⁷.

Khi kháng chiến thành công tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, quy định trên không còn phù hợp nữa. Hiến pháp 1959 không giữ lại quy định này. Đó là một tư duy lập hiến từ thực tiễn.

Nhìn chung Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc thiết lập chế độ Chủ tịch nước của chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân mang những dấu ấn đặc thù phản ánh tình hình cách mạng Việt Nam. Một số ý kiến cho rằng chế định Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1946 có nhiều điểm giống với chế định Tổng thống trong Hiến pháp Mỹ. Như đã biết Hồ Chí Minh hiểu rõ cách tổ chức quyền lực ở Mỹ nên Chủ tịch nước theo Hiến pháp Việt Nam năm 1946 có phần nào giống với Tổng thống theo Hiến pháp Mỹ cũng không phải không hợp lý. Nhưng đó chỉ là những điểm giống nhau mang tính chất bề ngoài, không giống nhau về bản chất. Mỹ tổ chức quyền lực theo nguyên tắc phân quyền nên Tổng thống Mỹ ngang bằng với Quốc hội, độc lập với Quốc hội, có quyền phủ quyết luật của Quốc hội. Còn ở Việt Nam, dù là Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1946 hay theo Hiến pháp 1959 đều thể hiện tư tưởng thống nhất quyền lực Nhà nước của Hồ Chí Minh: Chủ tịch nước không ngang bằng với Quốc hội, không đứng trên Quốc hội, do Quốc hội thành lập ra, thực hiện quyền hạn do Quốc hội giao, không thể đi ngược lại ý chí của Quốc hội. Đó là tính chất riêng biệt của Chủ tịch nước trong chính thể cộng hòa nhân dân so với các nguyên thủ quốc gia trong các chính thể của các nhà nước tư sản.

Chế định Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1959 là sự phát triển hợp quy luật khi đất nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, phù hợp với những quan điểm quyền hành rộng rãi trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa không thể giao cho một cá nhân. Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây đều xác lập chế độ Chủ tịch nước theo Hiến pháp 1959 là một bước quá độ đến chế định Hội đồng Nhà nước - Chủ tịch nước tập thể theo Hiến pháp 1980.

3. Kế thừa và phát triển những giá trị tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh về Chủ tịch nước trong điều kiện hiện nay

⁷ Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp. Kỷ yếu hội thảo " Các nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới, Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân". H, 1997, tr 108.

Hiến pháp Việt Nam năm 1992 đã tái xác lập định chế Nguyên thủ quốc gia cá nhân đã có từ Hiến pháp 1946, và sau đó là Hiến pháp 1959. Tuy nhiên, cũng là một định chế Chủ tịch nước cá nhân nhưng định chế Chủ tịch nước hiện nay có nhiều điểm khác biệt với định chế Chủ tịch nước theo hai bản Hiến pháp đầu tiên của dân tộc.

Do được tách ra từ ngành lập pháp (Hội đồng Nhà nước theo Hiến pháp 1980 được tách thành Chủ tịch nước cá nhân và Ủy ban thường vụ Quốc hội theo Hiến pháp hiện hành), nên Chủ tịch nước hiện nay nghiêng về cơ quan lập pháp hơn cơ quan hành pháp. Điều này thể hiện ở chỗ: Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội với nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội; chịu trách nhiệm trước Quốc hội; chính thức hoá những hoạt động của Quốc hội như công bố Hiến pháp, luật của Quốc hội, căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ... Nhiều thẩm quyền mang tính hành pháp được trao cho ngành lập pháp còn Chủ tịch nước chỉ là người chính thức hoá như: căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố tình trạng khẩn cấp...

Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai bản Hiến pháp 1946 và 1959 đã thể hiện rõ quan điểm gắn Nguyên thủ quốc gia với ngành hành pháp, trong khi ngày nay ta lại gắn với lập pháp. Việc gắn Nguyên thủ quốc gia với hành pháp như tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với bản chất của định chế Nguyên thủ Quốc gia.

Nguyên thủ quốc gia trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại luôn luôn là một định

chế hành pháp. Đó chính là người điều hành xã hội. Nguyên thủ quốc gia là một cá nhân nên về bản chất là người điều hành xã hội, đại diện cho Nhà nước, chứ không phải là người thiết lập ra các quy tắc phổ biến làm khuôn mẫu cho xã hội. Chính vì vậy, Nguyên thủ quốc gia phải gắn với hành pháp. Lịch sử cho thấy dù là ông vua phong kiến hay ông vua lập hiến, hay Tổng thống thì Nguyên thủ quốc gia bao giờ cũng là người đứng đầu hành pháp. Trong các chính thể đương đại ở phương Tây, Nguyên thủ quốc gia luôn được coi là người đứng đầu hành pháp. Đối với tổ chức hành pháp một đầu như chính thể tổng thống thì Nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu nhà nước vừa là người đứng đầu và trực tiếp lãnh đạo hành pháp. Đối với các chính thể đại nghị, với tổ chức hành pháp hai đầu thì một đầu thực quyền do Thủ tướng thực hiện và một đầu tượng trưng do Nguyên thủ quốc gia đảm nhiệm; đối với chính thể cộng hoà lưỡng tính với tổ chức hành pháp hai đầu thì cả hai đầu đều thực quyền: hành pháp điều hành chung và hành pháp đối ngoại do Nguyên thủ quốc gia thực hiện, còn Thủ tướng sẽ nắm quyền hành pháp đối nội.

Việc Hiến pháp hiện hành của ta gắn Nguyên thủ quốc gia với lập pháp có thể không phù hợp với bản chất của Nguyên thủ quốc gia. Hơn nữa, điều này còn làm cho Nguyên thủ quốc gia trở nên không có thực quyền, trở nên hình thức. Sự thăng hay trầm của một quốc gia gắn liền với chức năng của ngành hành pháp. Vì đây là ngành quyền lực có nhiệm vụ tìm đường đi cho đất nước; nói cách khác là vạch ra chính sách cho quốc gia. Vì vậy, muốn quốc gia phát triển phải tăng cường hiệu năng hoạt động của hành pháp. Điều này lại phù thuộc phần lớn vào người đứng đầu hành pháp. Nhìn vào một quốc gia, người

ta nhìn vào người thủ lĩnh của ngành hành pháp vì hành pháp là trung tâm của chính quyền và người này lại là trung tâm của hành pháp. Trong các chính thể tổng thống hoặc cộng hoà lưỡng tính người đó là nguyên thủ quốc gia. Còn trong các chính thể đại nghị, người đó là Thủ tướng chính phủ. Ngay cả trong các chính thể đại nghị này thì bình thường Nguyên thủ quốc gia để cho Thủ tướng điều hành Chính phủ nhưng khi đất nước có vấn đề, chẳng hạn nội chiến, thì Nguyên thủ quốc gia sẽ không còn là một người hành pháp tượng trưng nữa, mà sẽ là người đứng đầu và lãnh đạo hành pháp.

Thiết nghĩ rằng, cần kế thừa những quan điểm về Chủ tịch nước của Hồ Chí Minh được thể hiện trong hai bản hiến pháp đầu tiên của dân tộc để hoàn thiện thiết chế Chủ tịch nước ở Việt Nam hiện nay theo hướng gắn Chủ tịch nước với hành pháp. Cụ thể:

Thứ nhất, nên tạo ra một cơ sở pháp lý cho việc Chủ tịch nước lãnh đạo Chính phủ khi xét thấy cần thiết. Theo Hiến pháp hiện hành, Chủ tịch nước chỉ có quyền tham dự mà không có quyền chủ tọa các phiên họp của Chính phủ khi cần thiết. Đây là một quy định mang tính hình thức mà khó có thể diễn ra như nội dung quy định trên thực tế. Chủ tịch nước chỉ tham dự mà không chủ tọa các phiên họp của Chính phủ là một điều rất khó có thể xảy ra trên thực tế vì điều này không phù hợp với vị trí pháp lý và bản chất của một vị Nguyên thủ quốc gia. Nên quy định Chủ tịch nước có quyền tham gia và chủ tọa các phiên họp của Chính phủ khi xét thấy cần thiết. Quyền chủ tọa phiên họp Chính phủ là quyền quan trọng để Nguyên thủ quốc gia đứng đầu và lãnh đạo hành pháp như bản chất của mình.

Thứ hai, có thể tính đến việc khôi phục lại quyền phủ quyết tương đối của Chủ tịch nước đối với luật của ngành lập pháp.

Quyền phủ quyết được quan niệm như là quyền tự nhiên của Nguyên thủ quốc gia với tư cách là người lãnh đạo hành pháp. Một khi Nguyên thủ quốc gia đã là người đứng đầu và lãnh đạo hành pháp thì phải có quyền phủ quyết luật. Luật sẽ do ngành hành pháp đem thi hành trong xã hội. Nếu như người đứng đầu hành pháp nhận thấy tính bất khả thi của đạo luật thì không có lý gì buộc Nguyên thủ quốc gia với tư cách là người đứng đầu Nhà nước và đứng đầu hành pháp phải công bố. Vậy, có thể quy định trong Hiến pháp rằng Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Quốc hội xem xét lại luật trong thời hạn 15 ngày, nếu Quốc hội vẫn biểu quyết thông qua với đa số 2/3 thì buộc Chủ tịch nước phải công bố.

Thứ ba, cần chuyển một số quyền mang tính hành pháp hiện đang do ngành lập pháp đảm nhiệm về cho Chủ tịch nước. Triển khai tư duy phân công, phân nhiệm tại Điều 2 của Hiến pháp, chúng ta nên làm như vậy. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nhưng không thể làm được tất cả. Một tư duy cần lưu ý ở đây là: không nên lạm dụng Quốc hội vào mọi công việc. Việc gì của ngành hành pháp nên để cho ngành hành pháp làm. Do đó, có thể tính đến việc chuyển những quyền sau đây hiện do lập pháp đảm nhiệm sang cho Nguyên thủ quốc gia: quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương. Đây là những quyền mang tính hành pháp nên trao cho cá nhân Chủ tịch nước để bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời. Hơn nữa, với tư cách là người giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và an ninh Chủ tịch nước sẽ có điều kiện sử dụng đến lực lượng quân đội để thực thi những công việc này.